Ký bởi: BỘ TÀI CHÍNH
Cơ quan: 28 Trần Hưng Đạo
Thời gian ký: 09/02/2023 15:11:33 +07:00

BỘ TÀI CHÍNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 149/QĐ-BTC	*Hà Nội, ngày 09 tháng 02 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành trong lĩnh vực thuế thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

Căn cứ Luật Quản lý thuế ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 148/2021/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ về quản lý sử dụng nguồn thu từ chuyển đổi sở hữu doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập, nguồn thu từ chuyển nhượng vốn nhà nước và chênh lệch vốn chủ sở hữu lớn hơn vốn điều lệ tại doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế;

Căn cứ Nghị định số 87/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính và Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính, Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 57/2022/TT-BTC ngày 16 tháng 9 năm 2022 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 148/2021/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ về quản lý, sử dụng nguồn thu từ chuyển đổi sở hữu doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập,nguồn thu từ chuyển nhượng vốn nhà nước và chênh lệch vốn chủ sở hữu lớn hơn vốn điều lệ tại doanh nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế, Cục trưởng Cục Tài chính doanh nghiệp,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này 01 (một) thủ tục hành chính

mới trong lĩnh vực thuế thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính *(chi tiết tại Phụ lục kèm theo).*

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Cục Tài chính doanh nghiệp có trách nhiệm thực hiện việc nhập và đăng tải dữ liệu thủ tục hành chính theo quy định. Tổng cục Thuế có trách nhiệm thực hiện theo dõi, thống kê kết quả giải quyết thủ tục hành chính trong quá trình thực hiện và xây dựng dịch vụ công trực tuyến (nếu có).

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ Tài chính, Cục trưởng Cục Tài chính doanh nghiệp, Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Bộ trưởng Hồ Đức Phớc (để báo cáo);
- Văn phòng Chính phủ (Cục KSTTHC);
- Văn phòng Bộ;
- Tổng cục thuế;
- Cổng TTĐT Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, Cục TCDN (6 b).

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

BỘ TÀI CHÍNH

Cao Anh Tuấn

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH TRONG LĨNH VỰC THUẾ THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BỘ TÀI CHÍNH

(Kèm theo Quyết định số 149/QĐ-BTC ngày 09 tháng 2 năm 2023 của Bộ Tài chính)

PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

STT	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
1	Khai, nộp vào ngân sách nhà nước tiền thu từ chuyển đổi sở hữu doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập, nguồn thu từ chuyển nhượng vốn nhà nước và chênh lệch vốn chủ sở hữu lớn hơn vốn điều lệ tại doanh nghiệp	Thuế	Tổng cục Thuế, Cục Thuế, Chi cục Thuế

PHẦN II. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BỘ TÀI CHÍNH

- Tên thủ tục: *"**Khai, nộp vào ngân sách nhà nước tiền thu từ chuyển đổi sở hữu doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập, nguồn thu từ chuyển nhượng vốn nhà nước và chênh lệch vốn chủ sở hữu lớn hơn vốn điều lệ tại doanh nghiệp**".*

1. Trình tự thực hiện:

a) Doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập và các đối tượng có trách nhiệm khai, nộp xác định số tiền thu từ chuyển đổi sở hữu doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập, nguồn thu từ chuyển nhượng vốn nhà nước và chênh lệch vốn chủ sở hữu lớn hơn vốn điều lệ tại doanh nghiệp.

b) Trong thời hạn theo quy định tại Điều 7 Thông tư số 57/2022/TT-BTC, doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập và các đối tượng có trách nhiệm khai, nộp các khoản thu vào ngân sách nhà nước thực hiện khai và nộp theo quy định tại Điều 6 Thông tư số 57/2022/TT-BTC, cụ thể:

- Thu từ cổ phần hóa doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập:

+ Tiền thu từ bán đấu giá công khai ra công chúng: Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ ngày hết hạn nộp tiền của nhà đầu tư tham gia cuộc đấu giá, Tổ chức thực hiện bán đấu giá có trách nhiệm khai, nộp số tiền thu từ bán cổ phần.

+ Tiền thu từ bán đấu giá giữa các nhà đầu tư chiến lược: Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ ngày hết hạn nộp tiền của nhà đầu tư tham gia cuộc đấu giá, doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập có trách nhiệm khai, nộp số tiền thu từ bán cổ phần.

+ Tiền thu từ bảo lãnh phát hành: Trong thời hạn mười (10) ngày kể từ

ngày hoàn tất việc mua bán cổ phần theo hợp đồng bảo lãnh, tổ chức bảo lãnh phát hành có trách nhiệm khai, nộp số tiền thu từ bán cổ phần.

+ Tiền thu từ bán thỏa thuận cho các nhà đầu tư, bán cổ phần ưu đãi cho tổ chức công đoàn, người lao động và người quản lý doanh nghiệp: Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ ngày hết hạn nộp tiền, doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập khai, nộp tiền thu từ bán cổ phần.

+ Tiền thu từ bán cổ phần của doanh nghiệp cổ phần hóa theo phương thức dựng sổ: Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ ngày hết hạn thanh toán tiền mua cổ phần của nhà đầu tư, tổ chức quản lý sổ lệnh có trách nhiệm khai, nộp số tiền thu từ bán cổ phần.

+ Tiền thu từ cổ phần hóa tại thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần:

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu, công ty cổ phần được chuyển đổi từ doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập cổ phần hóa có trách nhiệm tự xác định số tiền thu từ cổ phần hóa phải nộp ngân sách nhà nước và thực hiện khai, nộp.

Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ ngày có quyết định của cơ quan đại diện chủ sở hữu phê duyệt quyết toán tiền thu từ cổ phần hóa tại thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần, công ty cổ phần được chuyển đổi từ doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập cổ phần hóa có trách nhiệm khai, nộp khoản chênh lệch tăng thêm so với số đã nộp (nếu có).

+ Các khoản thu khác:

Trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày hết thời hạn bảo hành theo hợp đồng doanh nghiệp cổ phần hóa có trách nhiệm khai, nộp toàn bộ số dư dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây dựng (đối với các hợp đồng đã ký, thời gian bảo hành còn hiệu lực sau ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu) không chi hết.

Trong thời hạn mười (10) ngày làm việc kể từ ngày nhận được tiền thu từ thu hồi, xử lý nợ và tài sản, DATC có trách nhiệm khai, nộp các khoản phải nộp. Trường hợp số tiền phải nộp dưới 100 triệu đồng theo từng lần phát sinh, DATC tập hợp và nộp theo tháng trong 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc tháng liền kề trước đó.

Trong thời hạn mười (10) ngày làm việc kể từ ngày thu hồi được nợ, các ngân hàng thương mại và doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực viễn thông có trách nhiệm khai, nộp vào ngân sách nhà nước số phải nộp từ khoản công nợ không tính vào giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa thu hồi được.

- Thu từ chuyển nhượng vốn nhà nước đầu tư tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, thu từ chuyển nhượng quyền mua cổ phần phát hành thêm đối với phần vốn nhà nước và quyền góp vốn nhà nước tại doanh nghiệp:

+ Thu từ chuyển nhượng vốn nhà nước đầu tư tại công ty cổ phần, công ty

trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên:

Trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày công bố kết quả cuộc đấu giá công khai/chào bán cạnh tranh hoặc ký hợp đồng chuyển nhượng vốn (đối với phương thức thỏa thuận), cơ quan đại diện chủ sở hữu (hoặc đơn vị được ủy quyền) chịu trách nhiệm khai, nộp tiền thu từ chuyển nhượng vốn nhà nước.

Trong thời hạn mười (10) ngày làm việc kể từ ngày thực hiện giao dịch chuyển nhượng vốn tại các doanh nghiệp đã đăng ký giao dịch, niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán, cơ quan đại diện chủ sở hữu (hoặc đơn vị được ủy quyền) chịu trách nhiệm khai, nộp tiền thu từ chuyển nhượng vốn nhà nước.

Trong thời hạn mười (10) ngày làm việc kể từ ngày nhận được tiền của Tổ chức quản lý sổ lệnh, cơ quan đại diện chủ sở hữu (hoặc đơn vị được ủy quyền) chịu trách nhiệm khai, nộp tiền thu từ chuyển nhượng vốn.

Trường hợp sau khi phê duyệt quyết toán tiền thu từ chuyển nhượng vốn phát sinh tăng thêm số phải nộp ngân sách nhà nước thì trong thời hạn mười (10) ngày làm việc kể từ ngày có quyết định phê duyệt quyết toán tiền thu từ chuyển nhượng vốn, cơ quan đại diện chủ sở hữu có trách nhiệm khai, nộp khoản chênh lệch tăng thêm so với số đã nộp.

+ Thu chuyển nhượng quyền mua cổ phần phát hành thêm đối với phần vốn nhà nước và quyền góp vốn nhà nước tại doanh nghiệp:

Trong mười (10) ngày làm việc kể từ ngày hết hạn nộp tiền của nhà đầu tư, cơ quan đại diện chủ sở hữu (hoặc đơn vị được ủy quyền) chịu trách nhiệm khai, nộp tiền thu từ chuyển nhượng quyền mua cổ phần phát hành thêm đối với phần vốn nhà nước và quyền góp vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

Trong thời hạn mười (10) ngày làm việc kể từ ngày có quyết định phê duyệt quyết toán đối với tiền thu từ chuyển nhượng quyền mua cổ phần phát hành thêm đối với phần vốn nhà nước và quyền góp vốn nhà nước tại doanh nghiệp, cơ quan đại diện chủ sở hữu (hoặc đơn vị được ủy quyền) có trách nhiệm khai, nộp khoản chênh lệch tăng thêm so với số đã nộp (nếu có).

- Thu từ chuyển nhượng vốn nhà nước đầu tư tại các doanh nghiệp được Thủ tướng Chính phủ giao SCIC thực hiện chuyển nhượng vốn để nộp vào ngân sách nhà nước:

Trong thời hạn mười (10) ngày làm việc kể từ ngày hết hạn nộp tiền của nhà đầu tư, SCIC có trách nhiệm khai, nộp ngân sách nhà nước số tiền thu từ chuyển nhượng vốn nhà nước do SCIC thực hiện.

- Thu từ chênh lệch vốn chủ sở hữu lớn hơn vốn điều lệ tại doanh nghiệp cấp 1 đang hoạt động:

Trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày cơ quan đại diện chủ sở hữu ban hành quyết định về việc nộp phần chênh lệch giữa vốn chủ sở hữu với vốn điều lệ của doanh nghiệp vào ngân sách nhà nước, doanh nghiệp có trách nhiệm khai, nộp.

- Thu từ các hình thức sắp xếp, chuyển đổi sở hữu khác:

+ Bán doanh nghiệp: Trong thời hạn mười (10) ngày làm việc kể từ ngày cơ quan đại diện chủ sở hữu phê duyệt quyết toán tiền thu từ bán toàn bộ doanh nghiệp, cơ quan đại diện chủ sở hữu (hoặc đơn vị được ủy quyền) có trách nhiệm khai, nộp toàn bộ tiền thu từ bán doanh nghiệp sau khi trừ các chi phí.

+ Chuyển doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ thành công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên: Trong thời hạn mười (10) ngày làm việc kể từ ngày cơ quan có thẩm quyền phê duyệt quyết toán số tiền thu từ chuyển đổi doanh nghiệp tại thời điểm điểm công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu, cơ quan đại diện chủ sở hữu (hoặc đơn vị được ủy quyền) có trách nhiệm khai, nộp số tiền thu từ chuyển đổi doanh nghiệp sau khi trừ các chi phí.

2. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua bưu chính cho cơ quan thuế quản lý trực tiếp doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

3.1. Thành phần hồ sơ:

Tờ khai số thu theo mẫu tờ khai quy định tại Điều 7 Thông tư số 57/2022/TT-BTC.

3.2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

4. Thời hạn giải quyết: Không.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập và các đối tượng có trách nhiệm khai, nộp các khoản thu vào ngân sách nhà nước.

6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Cơ quan thuế quản lý trực tiếp doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập.

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Không.

8. Phí, lệ phí: Không có.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Tờ khai số thu từ cổ phần hóa doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập.

- Tờ khai quyết toán số thu từ cổ phần hóa doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập.

- Tờ khai số thu từ chuyển nhượng vốn nhà nước, thu từ chuyển nhượng quyền mua cổ phần và thu từ chuyển nhượng quyền góp vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

- Tờ khai quyết toán số thu từ chuyển nhượng vốn nhà nước, thu chuyển nhượng quyền mua cổ phần và thu từ chuyển nhượng quyền góp vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

- Tờ khai số thu từ chênh lệch vốn chủ sở hữu lớn hơn vốn điều lệ tại

doanh nghiệp.

- Tờ khai quyết toán số thu từ các hình thức sắp xếp, chuyển đổi sở hữu khác.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 148/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ;
- Thông tư số 57/2022/TT-BTC ngày 16/9/2022 của Bộ Tài chính.

Mẫu số: **01/CPH**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 57/2022/TT-BTC ngày 16 tháng 9 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI SỐ THU TỪ CỔ PHẦN HÓA DOANH NGHIỆP, ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP

Doanh nghiệp ☐ Đơn vị sự nghiệp công lập☐

Tại doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp.....

Mã số thuế:.....

[01] Kỳ tính: .....

Từ ...../ ...../ ..... đến ...../ ...../ .....

[02] Lần đầu ☐ **[03]** Bổ sung lần thứ:…

[04] Tên người nộp thuế: .....

[05] Mã số thuế: ☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐ ☐☐☐

[06] Tên đại lý thuế (nếu có):.....

[07] Mã số thuế: ☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐ ☐☐☐

[08] Hợp đồng đại lý thuế: Số.....ngày.....

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Số tiền
(1)	(2)	(3)	(4)
1	Tiền thu từ bán đấu giá công khai ra công chúng	**[09]**	
2	Tiền thu từ bán đấu giá cho các nhà đầu tư chiến lược	**[10]**	
3	Tiền thu từ bảo lãnh phát hành	**[11]**	
4	Tiền thu từ bán thỏa thuận cho các nhà đầu tư (bao gồm cả nhà đầu tư chiến lược), bán cổ phần ưu đãi cho tổ chức công đoàn, người lao động và người quản lý doanh nghiệp	**[12]**	
5	Tiền thu theo phương thức dựng sổ	**[13]**	
6	Tiền thu từ cổ phần hóa tại thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần.	**[14]**	
7	Các khoản thu khác theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 7 Thông tư này, gồm:	**[15]**	
a	Tiền thu từ số dư dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây dựng không chi hết	**[16]**	
b	Tiền thu từ thu hồi, xử lý nợ và tài sản DATC có trách nhiệm khai, nộp vào ngân sách nhà nước	**[17]**	

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Số tiền
(1)	(2)	(3)	(4)
c	Tiền thu từ khoản công nợ không tính vào giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa của các ngân hàng thương mại và doanh nghiệp viễn thông	**[18]**	
8	Tổng cộng	**[19]**	

Tôi cam đoan số liệu, tài liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu, tài liệu đã khai./.

..., ngày..... tháng..... năm.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên:.....
Chứng chỉ hành nghề số:.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/Ký điện tử)

Mẫu số: **02/QT-CPH**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 57/2022/TT-BTC ngày 16 tháng 9 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI QUYẾT TOÁN SỐ THU TỪ CỔ PHẦN HÓA DOANH NGHIỆP, ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP

Doanh nghiệp □ Đơn vị sự nghiệp công lập□

Tại doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập:.....
Mã số thuế:.....

[01] Kỳ tính: .....
Từ ...../ ...../ ..... đến ...../ ...../ .....
[02] Lần đầu □ **[03]** Bổ sung lần thứ:...

[04] Tên người nộp thuế: .....
[05] Mã số thuế: | | | | | | | | | | | | | |
[06] Tên đại lý thuế (nếu có):.....
[07] Mã số thuế: | | | | | | | | | | | | | |
[08] Hợp đồng đại lý thuế: Số.....ngày.....

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Số tiền
(1)	(2)	(3)	(4)
I	**Số thu từ cổ phần hóa phải nộp ngân sách nhà nước**	**[09]**	
II	**Số thu từ cổ phần hóa đã nộp ngân sách nhà nước, trong đó:**	**[10]**	
1	Tiền thu từ bán đấu giá công khai ra công chúng	**[11]**	
2	Tiền thu từ bán đấu giá cho các nhà đầu tư chiến lược	**[12]**	
3	Tiền thu từ bảo lãnh phát hành	**[13]**	
4	Tiền thu từ bán thỏa thuận cho các nhà đầu tư (bao gồm cả nhà đầu tư chiến lược), bán cổ phần ưu đãi cho tổ chức công đoàn, người lao động và người quản lý doanh nghiệp	**[14]**	
5	Tiền thu theo phương thức dựng sổ	**[15]**	
6	Tiền thu từ cổ phần hóa tại thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần.	**[16]**	
III	**Số thu từ cổ phần hóa còn phải nộp ngân sách nhà nước**	**[17]**	

Tôi cam đoan số liệu, tài liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu, tài liệu đã khai./.

..., ngày..... tháng..... năm.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên:.....
Chứng chỉ hành nghề số:.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/Ký điện tử)

Mẫu số: **01/CNV**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 57/2022/TT-BTC ngày 16 tháng 9 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI SỐ THU TỪ CHUYỂN NHƯỢNG VỐN NHÀ NƯỚC, THU TỪ CHUYỂN NHƯỢNG QUYỀN MUA CỔ PHẦN VÀ THU TỪ CHUYỂN NHƯỢNG QUYỀN GÓP VỐN NHÀ NƯỚC TẠI DOANH NGHIỆP

Chuyển nhượng vốn ☐ Chuyển nhượng quyền mua cổ phần ☐
Chuyển nhượng quyền góp vốn ☐

Tại doanh nghiệp:.....
Mã số thuế:.....

[01] Kỳ tính: .....
Từ ...../ ...../ ..... đến ...../ ...../ .....
[02] Lần đầu ☐ **[03]** Bổ sung lần thứ:...

[04] Tên người nộp thuế: .....
[05] Mã số thuế: ☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐ ☐☐☐
[06] Tên đại lý thuế (nếu có):.....
[07] Mã số thuế: ☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐ ☐☐☐
[08] Hợp đồng đại lý thuế: Số.....ngày.....

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Số tiền
(1)	(2)	(3)	(4)
1	Tiền thu từ chuyển nhượng vốn nhà nước đầu tư tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên	**[09]**	
2	Tiền thu từ chuyển nhượng quyền mua cổ phần phát hành thêm đối với phần vốn nhà nước	**[10]**	
3	Tiền thu từ chuyển nhượng quyền góp vốn nhà nước tại doanh nghiệp	**[11]**	
4	Tổng cộng	**[12]**	

Tôi cam đoan số liệu, tài liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu, tài liệu đã khai./.

..., ngày..... tháng..... năm.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên:.....
Chứng chỉ hành nghề số:.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/Ký điện tử)

Mẫu số: **02/QT-CNV**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 57/2022/TT-BTC ngày 16 tháng 9 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI QUYẾT TOÁN SỐ THU TỪ CHUYỂN NHƯỢNG VỐN NHÀ NƯỚC, THU CHUYỂN NHƯỢNG QUYỀN MUA CỔ PHẦN VÀ THU TỪ CHUYỂN NHƯỢNG QUYỀN GÓP VỐN NHÀ NƯỚC TẠI DOANH NGHIỆP

Chuyển nhượng vốn ☐ Chuyển nhượng quyền mua cổ phần ☐
Chuyển nhượng quyền góp vốn ☐

Tại doanh nghiệp:.....
Mã số thuế:.....

[01] Kỳ tính: .....
Từ ...../ ...../ ..... đến ...../ ...../ .....

[02] Lần đầu ☐ **[03]** Bổ sung lần thứ:...

[04] Tên người nộp thuế: .....
[05] Mã số thuế: ☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐ ☐☐☐
[06] Tên đại lý thuế (nếu có):.....
[07] Mã số thuế: ☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐ ☐☐☐
[08] Hợp đồng đại lý thuế: Số.....ngày.....

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Số tiền
(1)	(2)	(3)	(4)
I	**Số thu từ chuyển nhượng vốn nhà nước, chuyển nhượng quyền mua cổ phần hoặc chuyển nhượng quyền góp vốn nhà nước phải nộp ngân sách nhà nước**	**[09]**	
II	**Số thu từ chuyển nhượng vốn nhà nước, chuyển nhượng quyền mua cổ phần hoặc chuyển nhượng quyền góp vốn nhà nước đã nộp ngân sách nhà nước, trong đó:**	**[10]**	
1	Tiền thu từ chuyển nhượng vốn nhà nước đầu tư tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên	**[11]**	
2	Tiền thu từ chuyển nhượng quyền mua cổ phần phát hành thêm đối với phần vốn nhà nước	**[12]**	
3	Tiền thu từ chuyển nhượng quyền góp vốn nhà nước tại doanh nghiệp	**[13]**	
III	**Số thu từ chuyển nhượng vốn nhà nước, chuyển nhượng quyền mua cổ phần hoặc chuyển nhượng quyền góp vốn nhà nước còn phải nộp ngân sách nhà nước**	**[14]**	

Tôi cam đoan số liệu, tài liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu, tài liệu đã khai./.

..., ngày..... tháng..... năm.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên:.....
Chứng chỉ hành nghề số:.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/Ký điện tử)

Mẫu số: **02/QT-SXCDK**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 57/2022/TT-BTC ngày 16 tháng 9 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI QUYẾT TOÁN SỐ THU TỪ CÁC HÌNH THỨC SẮP XẾP, CHUYỂN ĐỔI KHÁC

Tại doanh nghiệp:.....
Mã số thuế:.....

[01] Kỳ tính: .....
Từ ...../ ...../ ..... đến ...../ ...../ .....
[02] Lần đầu ☐ **[03]** Bổ sung lần thứ:…

[04] Tên người nộp thuế: .....
[05] Mã số thuế:
[06] Tên đại lý thuế (nếu có):.....
[07] Mã số thuế:
[08] Hợp đồng đại lý thuế: Số.....ngày.....

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Số tiền
(1)	(2)	(3)	(4)
I	**Số thu từ hình thức sắp xếp, chuyển đổi khác phải nộp ngân sách nhà nước**	**[09]**	
II	**Số thu từ hình thức sắp xếp, chuyển đổi khác đã nộp ngân sách nhà nước**	**[10]**	
III	**Số thu từ hình thức sắp xếp, chuyển đổi khác còn phải nộp ngân sách nhà nước**	**[11]**	

Tôi cam đoan số liệu, tài liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu, tài liệu đã khai./.

..., ngày..... tháng..... năm.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên:.....
Chứng chỉ hành nghề số:.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/Ký điện tử)

Mẫu số: **01/CLVCSH-VDL**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 57/2022/TT-BTC ngày 16 tháng 9 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI SỐ THU TỪ CHÊNH LỆCH VỐN CHỦ SỞ HỮU LỚN HƠN VỐN ĐIỀU LỆ TẠI DOANH NGHIỆP

[01] Kỳ tính: .....

Từ ...../ ...../ ..... đến ...../ ...../ .....

[02] Lần đầu ☐ **[03]** Bổ sung lần thứ:…

[04] Tên người nộp thuế: .....

[05] Mã số thuế: ☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐ ☐☐☐

[06] Tên đại lý thuế (nếu có):.....

[07] Mã số thuế: ☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐ ☐☐☐

[08] Hợp đồng đại lý thuế: Số.....ngày.....

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Số tiền
(1)	(2)	(3)	(4)
1	Vốn chủ sở hữu	**[09]**	
2	Vốn điều lệ	**[10]**	
3	Chênh lệch vốn chủ sở hữu lớn hơn vốn điều lệ tại doanh nghiệp phải nộp ngân sách nhà nước	**[11]**	

Tôi cam đoan số liệu, tài liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu, tài liệu đã khai./.

..., ngày..... tháng..... năm.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên:.....
Chứng chỉ hành nghề số:.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/Ký điện tử)